| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH H** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 19-3-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Anh Luyện**.
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Trần Thị Hoài.**
2. Ông **Nguyễn Văn Đương**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên tham gia phiên tòa:*** Bà **Võ Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

*Bị cáo:* **TRẦN ĐÌNH S** - Sinh ngày 03 tháng 4 năm 1985 tại huyện C, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Q, huyện C, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đình Th, sinh năm 1954; Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; Anh, chị em ruột: có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ 11-11-2018 đến 16-11-2018 được tại ngoại theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 69/2019/HSST - QĐ, ngày 01-3-2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH một thành viên vận tải N.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông **Phan Thanh P**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện X, tỉnh Đ; Hôm nay vắng mặt.

*Người làm chứng:* Anh **Nguyễn Hữu D** - Sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 01, xã Q, huyện C, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06-11-2018, Trần Đình S *(sinh năm 1985, thường trú: thôn 3, xã Q, huyện C, tỉnh H*) điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS 51C-453.32 kéo theo rơ moóc BKS 51R-210.75 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vận tải N chở quả dừa tươi từ tỉnh Bến Tre xuất khẩu qua Trung Quốc qua Cửa khẩu Quốc tế T, huyện V, tỉnh H, đi cùng xe còn có phụ xe Nguyễn Hữu D (sinh năm 1987, cư trú tại thôn 1, xã Q, huyện C, tỉnh H). Đến khoảng 12 giờ ngày 10-11-2018, S và D xuất cảnh sang Trung Quốc để trả hàng, do không làm được thủ tục trả hàng nên để xe tại bãi đỗ xe rồi cả hai người đi ăn cơm tối. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm tối xong, S và D đi chơi ở công viên gần đó, thấy người Trung Quốc đốt pháo hoa nên D đứng xem. S nảy sinh ý định mua pháo hoa mang về quê đốt dịp tết. S đi vào quán bán hàng tạp hóa gần đó, chủ cửa hàng là người Trung Quốc. S mua 04 hộp pháo, trong đó 02 hộp pháo có kích thước 24x24x14cm và 02 hộp pháo có kích thước 19x16,5x16,5cm, tổng khối lượng của 04 hộp pháo là 11,8kg với tổng số tiền phải trả là 1.400.000đ. Sau khi mua pháo xong,S cho 02 hộp pháo to vào trong túi nilon màu xám, lồng bên ngoài túi nilon màu đen, 02 hộp pháo nhỏ cũng như vậy rồi buộc kín lại, mua bán xong S xách ra ngoài, đi được khoảng 60m thì gặp D, S nhờ D xách hộ một túi rồi cả hai đi về chỗ đỗ xe ô tô, đến nơi D có điện thoại gọi đến nên D để túi nilon xuống đất rồi đi chỗ khác nghe điện thoại. S cất 01 túi nilon vào thùng xốp rồi giấu trên nóc cabin xe ô tô đầu kéo, 01 túi nilon còn lại giấu tại thùng đựng đồ bên phụ phía sau rơ mooc. Sau khi giấu xong S lên xe đi ngủ, D nghe điện thoại xong cũng lên xe rồi đi ngủ. Sáng hôm sau, ngày 11-11-2018, S và D làm thủ tục trả hàng nhưng phía Trung Quốc không nhận hàng và yêu cầu chở hàng về Việt Nam. D làm thủ tục nhập cảnh về Việt Nam trước, S điều khiển ô tô chở hàng nhập cảnh về sau. Đến 16 giờ cùng ngày, S về đến Trạm kiểm soát Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế T thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang và tạm giữ toàn bộ tang vật.

**Vật chứng vụ án:**

- 5,9 kg pháo, 02 túi nilon màu đen và 02 túi nilon màu xám được niêm phong trong 01 thùng giấy, là tang vật còn lại sau khi cân tịnh và lấy mẫu gửi giám định, hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh H.
- 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới số A 0930614 mang tên Trần Đình S và 01 hộp xốp màu trắng (kích thước 48x35x33cm) đã qua sử dụng, những vật chứng này được chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên.

Tại Bản kết luận giám định số 87/KL-PC54, ngày 07-12-2018 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu P1 là pháo hoa. Loại pháo hoa này khi đốt phát ra tiếng nổ và ánh sáng màu; Đối chiếu với các quy định tại Nghị định số 36/2009/NĐ-CP ngày 15-4-2009 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo thì bên trong mẫu P1 có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích (hoặc đốt) có gây ra tiếng nổ (BL số 22).

- 01 xe ô tô đầu kéo BKS 51C - 453.32; 01 rơ mooc BKS 51R - 210.75; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000252, 01 giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc số 023761; 02 chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương

tiện giao thông cơ giới đường bộ số 6755234 và số 5656278; 01 Chứng minh nhân dân số 183390335 và 01 giấy phép lái xe số 420074000344. Căn cứ vào đơn xin lại tài sản, xét thấy không cần thiết phải tạm giữ thêm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là ông Phan Thanh P - người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vận tải N và bị cáo Trần Đình S.

**Tại cáo trạng số**: 07/CT-VKS ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Đình S về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo điểm k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, Trần Đình S khai nhận vào khoảng 16 giờ ngày 11/11/2018, tại Trạm kiểm soát Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế T, Trần Đình S bị bắt quả tang khi đang vận chuyển 11,8 kg pháo nhập cảnh từ Trung Quốc về Việt Nam bằng xe ô tô đầu kéo BKS 51C-453.32 kéo rơ mooc BKS 51R-210.75. Tất cả số pháo trên S mua tại Trung Quốc với mục đích về Việt Nam sẽ sử dụng. Bị cáo S nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Chủ tòa phiên tòa thay mặt HĐXX công bố lời khai của: Ông Phan Thanh P - người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vận tải N, đã nhận đủ tài sản: 01 xe ô tô đầu kéo BKS 51C - 453.32; 01 rơ mooc BKS 51R - 210.75; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000252, 01 giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc số 023761; 02 chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 6755234 và số 5656278. Không có đề nghị bổ sung.

Lời khai của nhân chứng trong hồ sơ phù hợp các lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX tuyên bố:

***Về tội danh***: Tuyên bị cáo Trần Đình S phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

***Về hình phạt***: Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đình S từ 24 tháng đến 28 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo S về UBND xã Q, huyện C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. (Bị cáo S bị tạm giữ từ 11/11/2018 đến 16/11/2018).

**Về trách nhiệm dân sự:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vận tải N, đã nhận đủ tài sản: 01 xe ô tô đầu kéo BKS 51C - 453.32; 01 rơ mooc BKS 51R - 210.75; các giấy chứng nhận kèm theo. Ông Phan Thanh P - người

đại diện hợp pháp không có đề nghị bổ sung trách nhiệm dân sự đối với bị cáo S. Do vậy không đề cập giải quyết.

***Về vật chứng:*** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Tịch thu tiêu hủy hàng cấm lưu hành:*

Giao cho Công an huyện V, tỉnh H xử lý vật chứng:

hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh H. Theo quy định tại Điều 63; Điều 70; Điều 71 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Điều 6 Nghị định số 26/2012 ngày 05- 4 -2012 của Chính phủ " *Quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ"*.

* Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện V xử lý số vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01(một) giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới số A 0930614 mang tên Trần Đình S.
- 01(một) hộp xốp màu trắng (kích thước 48x35x33cm) đã qua sử dụng.

(Theo như biên bản bàn giao ngày 01-3-2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

***Về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật***.

**Phần tranh luận tại phiên tòa:** Bị cáo Trần Đình S nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và án phí.

**Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng:** Bị cáo Trần Đình S nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt, xin được hưởng án treo để giáo dục tại cộng đồng và gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

**[2]** Bị cáo Trần Đình S khai mua 04 hộp pháo, trong đó 02 hộp pháo có kích thước 24x24x14cm và 02 hộp pháo có kích thước 19x16,5x16,5cm, có khối lượng của 04 hộp pháo là 11,8kg với tổng số tiền phải trả là 1.400.000đ. khoảng 16 giờ ngày 11/11/2018, khi đi qua Trạm kiểm soát Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế T, Trần Đình S bị bắt quả tang khi đang vận chuyển 11,8 kg pháo nhập cảnh từ Trung Quốc về Việt Nam bằng xe ô tô đầu kéo BKS 51C-453.32 kéo rơ mooc BKS 51R-210.75. Lời khai của bị cáo S phù hợp với nhau, phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt

người phạm tội quả tang cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Đình S đã vi phạm pháp luật quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Luật số 03-2016-QH 14 ngày 22-11-2016 sửa đổi bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2014 quy định ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh đó là "*Kinh doanh pháo nổ*"; Tiểu mục 2.3 mục 2 phần III Thông tư liên tich số 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25-12-2008 về hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo. Xét thấy bị cáo S là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo S thực hiện hành vi với lỗi cố ý xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý một số loại hàng hóa có tính năng và tầm quan trọng đối với nền kinh tế. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Đình S phạm tội "Vận chuyển hàng cấm" (*pháo*) theo điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Tại điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

*"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các Điều 232,234,239,244,246,249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:*

*a)...*

*k) Vận chuyển qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điếu nhập lậu;"*

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý một số loại hàng hóa có tính năng và tầm quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân cũng như trật tự, an toàn xã hội. Do vậy cần lên mức án nghiêm minh tương ứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện. Để cho bị cáo rèn luyện, tu dưỡng bản thân, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung loại tội phạm này, theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự là phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa.

**[3]Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.**

**[4]Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự .**

Bị cáo S chưa có tiền án, tiền sự, thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, có bố đẻ Trần Đình Th, sinh năm 1954 là thương binh hạng 4/4. Đây là 02 tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo S có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, bị cáo S có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS và theo điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTPTATC ngày 06-11-2013 hướng dẫn áp dụng điều 65 BLHS về án treo.

Bị cáo S là người đi làm thuê thu nhập không ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo S.

**[5] Về trách nhiệm dân sự:** Ông Phan Thanh P - người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vận tải N, đã nhận đủ tài sản: 01 xe ô tô đầu kéo BKS 51C - 453.32; 01 rơ mooc BKS 51R - 210.75; các giấy chứng nhận kèm theo. Không có đề nghị bổ sung trách nhiệm dân sự đối với bị cáo S. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

**[6] Về vật chứng:**

*Tịch thu tiêu hủy hàng cấm lưu hành:*

* Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V, tỉnh H xử lý vật chứng gồm: 5,9 kg pháo, 02 túi nilon màu đen và 02 túi nilon màu xám được niêm phong trong 01 thùng giấy, là tang vật còn lại sau khi cân tịnh và lấy mẫu gửi giám định, hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh H.

* Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện V xử lý số vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01(một) giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới số A 0930614 mang tên Trần Đình S.

- 01(một) hộp xốp màu trắng (kích thước 48x35x33cm) đã qua sử dụng.

(Theo như biên bản bàn giao ngày 01-3-2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

Theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Theo quy định tại Điều 63; Điều 70; Điều 71 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Điều 6 Nghị định số 26/2012 ngày 05- 4 -2012 của Chính phủ " *Quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ"*.

**[7] Về án phí**: Buộc bị cáo S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

**[8] Quyền kháng cáo**: Của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên vận tải N (là chủ tài sản của ô tô đầu kéo BKS 51C - 453.32 và rơ mooc BKS 51R - 210.75) có ký hợp đồng lao động với Trần Đình S để vận chuyển hàng hóa nông sản theo chuyến, không biết việc S sử dụng ô tô đầu kéo và rơ mooc vận chuyển pháo, do vậy không xem xét xử lý.

Đối với phụ xe Nguyễn Hữu D, quá trình S mua pháo, cũng như cất giấu D không biết, quá trình xách hộ túi pháo D không hỏi và S cũng không nói là vật gì, do vậy không xem xét xử lý.

***Vì các lẽ trên,***

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố**: Bị cáo Trần Đình S phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

**Hình phạt:** Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Trần Đình S 24 (hai bốn) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 (bốn tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19-03-2019) (*bị cáo S bị tạm giữ từ ngày 11-11-2018 đến 16-1-/2018)*

Giao bị cáo S về UBND xã Q, huyện C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**Về vật chứng:** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 63; Điều 70; Điều 71 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Điều 6 Nghị định số 26/2012 ngày 05- 4 -2012 của Chính phủ " *Quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ".*

*Tịch thu tiêu hủy hàng cấm lưu hành gồm:*

* Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V, tỉnh H xử lý vật chứng gồm: 5,9 kg pháo, 02 túi nilon màu đen và 02 túi nilon màu xám được niêm phong trong 01 thùng giấy, là tang vật còn lại sau khi cân tịnh và lấy mẫu gửi giám định, hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh H.

* Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện V xử lý số vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01(một) giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới số A 0930614 mang tên Trần Đình S.
- 01(một) hộp xốp màu trắng (kích thước 48x35x33cm) đã qua sử dụng.

(Theo như biên bản bàn giao ngày 01-3-2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

**Về án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" .

Buộc bị cáo Trần Đình S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

**Quyền kháng cáo**: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-3-2019). Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***

**Lâm Anh Luyện**

**Nơi nhận:**
*- Bị cáo;*
*-Người có quyền lợi liên quan;*
*- VKSND huyện V;*
*- Công an huyện V;*
*- Tòa án nhân dân tỉnh;*
*- Sở tư pháp;*
*- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;*
*- Lưu hs, hstha, vp.*